

Nghiên cứu khoa học

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ THỰC HÀNH VỆ SINH PHỤ KHOA CỦA HỌC SINH NỮ TRONG ĐỘ TUỔI 11 – 19 Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC TẠI THÙA THIÊN HUẾ NĂM 2013

Nguyễn Thị Huyền Thương¹, Lê Hoàng Thiệu¹,
Trần Thanh Thúy¹, Hoàng Thu Thảo¹, Nguyễn Hoàng Thùy Linh¹

TÓM TẮT

Vệ sinh phụ khoa là vấn đề lớn cần được quan tâm đối với học sinh nữ ở tuổi từ 11 đến 19. Vệ sinh phụ khoa không đúng có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng đến khả năng sinh sản sau này. Nghiên cứu khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh phụ khoa của học sinh nữ trong độ tuổi 11-19 ở một số trường trung học tại tỉnh Thừa Thiên Huế và các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh phụ khoa ở đối tượng này.

Nghiên cứu mô tả cắt ngang tại Thừa Thiên Huế trên 400 đối tượng độ tuổi từ 11 đến 19 bằng phỏng vấn để đánh giá KAP về sinh phụ khoa, số liệu thu thập và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2007 và SPSS 16.

Kết quả cho thấy 64 % có kiến thức tốt về vệ sinh phụ khoa, 36% có kiến thức chưa tốt, có 75,8% có thái độ tích cực về vệ sinh phụ khoa, và chỉ có 31,5% thực hành đúng về vệ sinh phụ khoa. Có mối liên quan giữa trình độ học vấn và với kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh phụ khoa.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, vệ sinh phụ khoa.

ABSTRACT

Knowledge, attitude and practice in gynecological hygiene of eleven to nineteen year-old schoolgirls at some schools in Thua Thien Hue province in 2013

Gynecological hygiene is a major problem particularly among eleven to nineteen year-old schoolgirls. It could lead to serious

results leading to a general decline in fertility. This study aim are to measure the KAP of gynecological hygiene among eleven to nineteen year-old schoolgirls. To identify associated factors affecting schoolgirls' KAP of gynecological hygiene.

Cross-sectional descriptive study was carried out on 400 schoolgirls. The data were analyzed by the SPSS 16.0, Epidata, and Microsoft Excel 2007.

The rerults show thatschoolgirl have good knowledge about gynecological hygiene are 64%). The rate of have possitive attitude of gynecological hygiene is 75.8%); however, only 31,5% have good behavior towards gynecological hygiene. Factors relating to the KAP are educational level

Key words: Knowledge, attitude, practice, gynecological hygiene

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe là vốn quý nhất của con người. Chăm sóc sức khỏe không chỉ là nhu cầu mỗi cá nhân mà nó còn là mục tiêu cho phép sự phát triển của xã hội. Chăm sóc sức khỏe sinh sản cho các em gái tuổi vị thành niên là vấn đề đang được xã hội quan tâm hiện nay.

Trên thế giới mỗi năm có hàng triệu trẻ em gái vị thành niên đang phải đối mặt với các vấn đề về chăm sóc sức khỏe sinh sản và các hệ lụy đi kèm. Việc hiểu hết chưa đúng và đầy đủ về vệ sinh phụ khoa có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng như ung thư cổ tử cung, vô sinh, viêm âm hộ, âm đạo, viêm lộ tuyến tử cung. Việt Nam với đặc điểm là một nước có nền kinh tế nông

1. Đại học Y Dược Huế

Ngày nhận bài: 28/03/2014 | Ngày phản biện: 01/04/2014 | Ngày duyệt đăng: 07/04/2014

nghiệp, hơn 80% dân số sống ở các vùng nông thôn, trong điều kiện nước sinh hoạt chưa đảm bảo, thói quen vệ sinh hằng ngày chưa đúng làm cho tỷ lệ hiện mắc các bệnh viêm nhiễm phụ khoa còn rất cao, và ngày một già tăng. Bệnh viện Bạch Mai dựa trên khám chữa bệnh hơn 300 cộng đồng dân cư tại cả ba miền đất nước, 90% trong số 70.000 phụ nữ bị viêm nhiễm vùng kín, cho thấy việc chăm sóc sức khỏe vùng kín các em trong độ tuổi 11-19 đang bị lơ là và chưa được quan tâm đúng mức. Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, việc tìm hiểu kiến thức về kinh nguyệt và các vấn đề vệ sinh cơ quan sinh dục trở nên vô cùng quan trọng và cần thiết. Chúng tôi tiến hành tiến hành nghiên cứu với 2 mục tiêu:

Tìm hiểu kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh phụ khoa của học sinh nữ một số trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2013.

Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành đúng về vệ sinh phụ khoa của học sinh nữ một số trường THCS và THPT ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2013.

III. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung

Bảng 1: Thông tin chung

Thông tin chung	SL	%
Nguồn thông tin		
Cha mẹ, người thân	168	30,5
Internet	98	17,8
Truyền hình, radio	94	17,1
Báo chí, tạp chí y tế	84	15,4
Nhân viên y tế	58	10,5
Nhà trường	48	8,7
Tình trạng kinh nguyệt		
Có	314	78,5
Không	86	21,5

Nhận xét: Đa số các em nhận thông tin về VSPK từ cha mẹ, người thân (30,5%).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn được thực hiện từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2013 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cỡ mẫu tính theo công thức:

$$n = Z^2 \cdot \frac{p(1-p)}{\alpha^2} = 384,16$$

Trong đó $p=0,5$ vì hiện tại chưa tìm thấy nghiên cứu nào sát với đối tượng nghiên cứu.

Cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được là $n=400$. Chọn mẫu ngẫu nhiên nhiều giai đoạn.

Chi tiêu đánh giá: Mỗi câu trả lời đúng được đánh giá là 01 điểm, tính tổng điểm để đánh giá cho mỗi phần kiến thức, thái độ, hành vi.

- 4 đến 7 điểm là đạt
- 0 đến 3 điểm là chưa đạt

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3.2. Kiến thức, thái độ, thực hành về vệ sinh phụ khoa (VSPK)

Bảng 2: Kiến thức, Thái độ, Thực hành về VSPK

Kiến thức	SL	%
Kiến thức về cách vệ sinh phụ khoa		
Tốt	297	74,2
Chưa tốt	103	25,8
Kiến thức về sử dụng băng vệ sinh đúng cách		
Tốt	299	74,8
Chưa tốt	101	25,2
Kiến thức về vệ sinh phụ khoa ngày hành kinh		
Tốt	313	78,2
Chưa tốt	87	21,8
Kiến thức về vệ sinh phụ khoa		
Tốt	256	64
Chưa tốt	144	36
Mức độ nói chuyện về sinh phụ khoa với cha mẹ		
Thường xuyên	47	11,8
Thỉnh thoảng	257	64,2
Không bao giờ	96	24
Học sinh có nên tìm hiểu về vệ sinh phụ khoa		
Đồng ý	352	88
Không đồng ý	48	12
Vệ sinh phụ khoa hàng ngày đúng cách		
Cần thiết	368	92
Không cần thiết	32	8
Vệ sinh phụ khoa đúng cách những ngày hành kinh		
Cần thiết	379	94,8
Không cần thiết	21	5,2
Đi khám phụ khoa định kỳ		
Cần thiết	288	72
Không cần thiết	112	28
Truyền thông giáo dục về vệ sinh phụ khoa		
Cần thiết	314	78,5
Không	86	21,5
Thái độ về vệ sinh phụ khoa		
Tích cực	303	75,8
Chưa tích cực	97	24,2
Thực hành		
Số lần vệ sinh phụ khoa hàng ngày		
1 lần	41	10,2
2 lần	172	43
3 lần	120	30
4 lần trở lên	67	16,8
Sử dụng dung dịch vệ sinh		
Có	227	56,8
Không	173	43,2
Cách dùng dung dịch vệ sinh		
Hàng ngày	169	74,4
Chỉ vào những ngày hành kinh	55	24,3
Khác	3	1,3
Làm gì sau khi rửa bộ phận sinh dục ngoài		
Dùng khăn lau khô trước khi mặc quần áo	168	42,2
Dùng giấy vệ sinh lau trước khi mặc quần áo	157	39,2
Mặc quần áo liền	69	17,2
Khác	6	1,4
Cách rửa bộ phận sinh dục ngoài		
Rửa từ trước ra sau từ trên xuống dưới	280	70,0
Rửa từ sau ra trước từ dưới lên trên	95	23,8
Khác	25	6,2
Khi phát hiện bất thường		
Nói với cha mẹ	319	79,8
Tự đến cơ sở y tế khám	45	11,2
Không làm gì	20	5
Khác	16	4
Thực hành về sinh phụ khoa		
Tốt	126	31,5
Chưa tốt	274	68,5

Nhận xét: Kiến thức tốt về VSPK chiếm 64%, thái độ tích cực về VSPK chiếm 75,8%, và thực hành tốt VSPK chỉ chiếm 31,5%.

3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về VSPK

Bảng 3: Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về VSPK

Yếu tố liên quan	Đánh giá kiến thức VSPK				Ý nghĩa thống kê
	Tốt	Chưa tốt	Số lượng	Tí lệ (%)	
TĐHV	107	93	107	53,5	46,5
THCS	149	51	149	74,5	25,5
Tình trạng kinh nguyệt	216	98	216	68,8	31,2
THPT	40	46	40	46,5	53,5
Đánh giá thái độ VSPK	Đánh giá thái độ VSPK				p<0,05
	Tích cực	Chưa tích cực	Số lượng	Tí lệ (%)	
TĐHV	120	80	120	60,0	40,0
THCS	183	17	183	91,5	8,5
Tình trạng kinh nguyệt	258	56	258	82,2	17,8
THPT	45	41	45	52,3	47,7
Đánh giá thực hành VSPK	Đánh giá thực hành VSPK				Ý nghĩa thống kê
	Tốt	Chưa tốt	Số lượng	Tí lệ (%)	
TĐHV	45	155	45	22,5	77,5
THCS	81	119	81	40,5	59,5
Tình trạng kinh nguyệt	126	188	126	40,1	59,9
THPT	0	86	0	0	100
Kiến thức	Nhận xét: Có mối liên quan giữa trình độ học vấn, tình trạng kinh nguyệt và kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh phụ khoa (p<0,05).				
	Số lượng	Tí lệ (%)	Số lượng	Tí lệ (%)	
Tốt	103	40,2	153	59,8	p<0,05
Chưa tốt	23	16,0	121	84,0	

Nhận xét: Có sự liên quan giữa kiến thức tốt VSPK và thực hành tốt VSPK ở học sinh nữ (p<0,05)

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ, thực hành về VSPK

Trong số các học sinh được phỏng vấn thì phần lớn các em có được thông tin từ cha mẹ, người thân (30,5%), còn lại là các nguồn thông tin từ Internet, truyền hình, radio, báo chí, tạp chí y tế, nhân viên y tế, nhà trường. Trong số các học sinh được phỏng vấn thì tỉ lệ các em có kinh nguyệt là 78,5% chiếm đa số.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong 400 học sinh nữ trung học được phỏng vấn, nhóm có kiến thức về vệ sinh phụ khoa tốt chiếm 64%, nhưng có tới 36% học sinh chưa có kiến thức tốt về VSPK, đây là một con số đáng báo động. Lý giải cho điều này là việc trao đổi, cung cấp thông tin và kiến thức cho các em tuổi vị thành niên (VTN) còn nhiều hạn chế và chưa thực sự có sự chia sẻ với các em, cần đầy mạnh thay đổi nhận thức trong nhân dân, đặc biệt là các bậc cha mẹ.

Nghiên cứu thực trạng thái độ của các em về VSPK, chúng tôi đề cập đến các lĩnh vực sau: Thái độ về tim hiểu kiến thức VSPK, thái độ về VSPK đúng cách hàng ngày và trong những ngày hành kinh, thái độ về khám phụ khoa định kỳ, thái độ về truyền thông giáo dục VSPK cho học sinh. Với mỗi vấn đề nêu trên chúng tôi đưa ra các tình huống: cảm thấy cần thiết, cảm thấy không cần thiết. Kết quả cho thấy: Các em học sinh đồng ý nên tìm hiểu về vệ sinh phụ khoa chiếm tỷ lệ cao (88%), có 92% học sinh thấy cần thiết vệ sinh phụ khoa hàng ngày đúng cách, nhóm học sinh thấy cần thiết vệ sinh phụ khoa những ngày kinh nguyệt đúng cách chiếm 94,8%, tỷ lệ học sinh thấy cần thiết đi khám phụ khoa định kỳ là 72%, có 78,5 % các em thấy việc truyền thông giáo dục về VSPK là cần thiết. Đánh giá chung về thái độ của học sinh về VSPK: có 75,8% các em có thái độ tích cực. Qua đó cho thấy, phần đông các em học sinh nữ có mong muốn tìm hiểu và được trao đổi, cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiểu biết của bản thân để chăm sóc sức khỏe tốt hơn.

Nghiên cứu về thực hành của học sinh nữ về VSPK, chúng tôi đề cập đến các khía cạnh: số lần vệ sinh phụ khoa hàng ngày, cách sử dụng dung dịch vệ sinh, cách vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài, xử trí khi phát hiện bất thường.

Trong số 400 học sinh được phỏng vấn, nhóm học sinh có thực hành chưa tốt về vệ sinh phụ khoa chiếm tỷ lệ cao (68,5%). Nhóm học sinh có thực hành tốt về VSPK chiếm tỷ lệ thấp hơn (31,5%). Do đó cần có giải pháp để cung cấp kiến thức giúp các em học sinh nữ trong nhóm có thực hành chưa tốt thay đổi hành vi về VSPK cho đúng và đảm bảo sức khỏe cho bản thân.

4.2. Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành về VSPK

Có mối liên quan giữa trình độ học vấn và tình trạng kinh nguyệt với kiến thức về vệ sinh phụ khoa ($p < 0,05$). Trong nhóm học sinh THPT, tỉ lệ được đánh giá có kiến thức tốt cao hơn (74,5%) so với nhóm THCS (53,5%). Như vậy lượng kiến thức các em học sinh THPT có được từ trường học và gia đình, bạn bè

sẽ nhiều hơn các em học sinh THCS nên phù hợp với kết quả của nghiên cứu. So với nhóm học sinh chưa có kinh nguyệt, nhóm học sinh có kinh nguyệt có kiến thức tốt hơn về VSPK (68,8%). Có thể thấy nhóm học sinh có kinh nguyệt có sự quan tâm và tìm hiểu về VSPK nhiều hơn, từ nhiều nguồn thông tin nên có kiến thức tốt hơn so với nhóm học sinh chưa có kinh.

Có mối liên quan giữa trình độ học vấn và tình trạng kinh nguyệt với thái độ về vệ sinh phụ khoa của học sinh ($p < 0,05$). Trong nhóm học sinh THPT, tỉ lệ được đánh giá tích cực chiếm 91,5% cao hơn so với nhóm THCS (60%). Như vậy những học sinh THPT có thái độ về vệ sinh phụ khoa tích cực hơn những học sinh THCS, tương ứng với trình độ học vấn càng cao thì các em học sinh ngày càng quan tâm nhiều hơn về vấn đề SKSS của bản thân.

Trong nhóm học sinh có kinh nguyệt, tỉ lệ có thái độ tích cực chiếm 82,2%. Như vậy, những học sinh có kinh nguyệt sẽ có thái độ về vệ sinh phụ khoa tích cực hơn những học sinh chưa có kinh. Có thể thấy rằng các em học sinh chưa có kinh chưa quan tâm nhiều đến vấn đề sức khỏe của bản thân.

Có mối liên quan giữa trình độ học vấn và tình trạng kinh nguyệt với thực hành về vệ sinh phụ khoa của học sinh ($p < 0,05$). Trong nhóm học sinh THPT tỉ lệ đánh giá thực hành tốt chiếm tới 40,5%. Như vậy nhóm học sinh THPT có thực hành về vệ sinh phụ khoa tốt hơn nhóm học sinh THCS. Tuy vậy ở cả 2 nhóm trình độ học vấn thì tỷ lệ học sinh có thực hành tốt về VSPK vẫn chưa cao, đây là điều đáng lo ngại khi các em đều trong thời kỳ tuổi dậy thì nhưng thực hành về vệ sinh cơ thể mà đặc biệt là cơ quan sinh dục đều chưa tốt, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản sau này.

Trong nhóm có kinh nguyệt, tỉ lệ được đánh giá thực hành tốt là 40,1%, trong khi đó ở nhóm chưa có kinh tỉ lệ này là 0%. Đây là một con số rất đáng báo động về tình hình thực hành VSPK ở các em chưa có kinh. Vậy những học sinh có kinh nguyệt sẽ có thực hành tốt hơn rất nhiều so với những học sinh chưa có kinh.

Kiến thức của học sinh về VSPK có mối liên quan chặt chẽ đến thực hành của học sinh về VSPK. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy số học sinh có kiến thức tốt về VSPK thì có thực hành tốt hơn so với nhóm có kiến thức chưa tốt.

V. KẾT LUẬN

- Trong số học sinh tham gia nghiên cứu:

- Kiến thức tốt về VSPK: 64%
- Thái độ tích cực về VSPK: 75,8%
- Thực hành tốt về VSPK: 31,5%

- Các yếu tố trình độ học vấn và tình trạng kinh nguyệt liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành với $p < 0,05$. Trong đó học sinh THPT có kiến thức, thái độ, thực hành tốt hơn học sinh THCS và những học sinh có kinh nguyệt thì có kiến thức thái độ thực hành tốt hơn những học sinh chưa có kinh nguyệt.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Lợi, Ngũ Quốc Vĩ (2009), “Tỷ lệ viêm âm đạo và các yếu tố liên quan ở phụ nữ đến khám phụ khoa tại BV Đa khoa Trung ương Cần Thơ”, Y học TP. Hồ Chí Minh, vol: 13 – Supplement of No 1-2009: 11-16, <http://tcyh.edu.vn/2009/2009 PB Tap 13 so 1-HN Truong/CD san phu khoa ngay 19-12>.
2. Trần Thị Tuyết Mai, Lê Cự Linh (2005), “Thực trạng nhận thức về viêm nhiễm đường sinh sản và các yếu tố liên quan ở phụ nữ 15-49 tuổi có chồng tại một xã nông thôn miền Bắc”, Tạp chí Y học Dự phòng, tập xv, số 6(77), tr.34-39.
3. Nguyễn Khắc Minh, Đinh Thanh Huề, Cao Ngọc Thành (2009), “Tình hình viêm nhiễm đường sinh dục dưới ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có chồng tại huyện Tiên Phước – Quảng Nam”, Tạp chí Y học Thực hành, số 1(641+642), tr.15-17.
4. Nguyễn Khắc Minh, Đinh Thanh Huề, Cao Ngọc Thành (2009), “Tình hình viêm nhiễm đường sinh dục dưới ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có chồng tại huyện Tiên Phước – Quảng Nam”, Tạp chí Y học Thực hành, số 1(648+649), tr.117-121.
5. Vũ Thị Bình Phương (2006) “Nghiên cứu một số căn nguyên gây bệnh và đặc điểm lâm sàng của viêm sinh dục ở những phụ nữ đến khám tại bệnh viện Đại học Y Thái Bình “Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học Y – Dược Việt Nam lần thứ 13, tr.634-640.
7. Ngô Văn Toàn (2007) “Hiểu biết của người dân về các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và lây truyền qua đường tình dục”, Tạp chí Y học Thực hành, số 9, tr.54-55.